

Số: 05/2025/QĐST-DS

H, ngày 23 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 02/2025/TLST-DS, ngày 02-01-2025.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Công ty cổ phần M; Địa chỉ trụ sở: Tầng A Tòa nhà V, số I D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T, chức vụ giám đốc.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Cao Duy T1 - Chức vụ Trưởng phòng XLN Miền Bắc.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Đỗ Quốc T2, ông Đào Duy H và bà Nguyễn Thị Vân A - Chuyên viên xử lý nợ.

1.2. Ngân hàng thương mại cổ phần V (V1); Địa chỉ trụ sở: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

- Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chức vụ Chủ tịch hội đồng quản trị.

- Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Hoàng L - Chức vụ Giám đốc trung tâm thu hồi nợ KHDN và xử lý nợ pháp lý.

- Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Phạm Tất T3 - Chuyên viên xử lý nợ của Ngân hàng thương mại cổ phần V.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Đinh Đức P, sinh năm 1986

2.2. Bà Phạm Thị H1, sinh năm 1990

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị H1*: Ông Đinh Đức P, sinh năm 1986; Đều ở địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện H, tỉnh Thái Bình.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* **Về số tiền nợ**: Các đương sự đều thống nhất, tính đến ngày 15-5-2025: Theo hợp đồng cho vay hạn mức số LN2105133734163, ngày 18-5-2021, tổng số tiền nợ là 6.435.257.308 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 4.661.410.247 đồng, nợ lãi là 1.599.799.170 đồng, lãi chậm trả là 174.047.891 đồng.

Theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 13-5-2021 tổng số tiền nợ là 278.554.939 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 120.644.216 đồng, nợ lãi là 137.237.881 đồng, lãi chậm trả là 20.672.842 đồng.

Trong đó nợ của công ty cổ phần M tổng là 6.649.459.673 đồng, trong đó nợ gốc là 4.735.440.360 đồng, nợ lãi là 1.721.039.059 đồng; lãi chậm trả là 192.980.254 đồng. Nợ V1 tổng là 64.352.573 đồng; nợ gốc là 46.614.102 đồng; nợ lãi là 15.997.992 đồng; lãi chậm trả là 1.740.479 đồng.

* **Các đương sự thống nhất phương án trả nợ như sau:**

1. Vào ngày 15-7-2025, ông Đinh Đức P và bà Phạm Thị H1 phải trả cho Công ty cổ phần M tổng là 6.649.459.673 đồng (Sáu tỷ sáu trăm bốn mươi chín triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm bảy mươi ba đồng), trong đó nợ gốc là 4.735.440.360 đồng, nợ lãi là 1.721.039.059 đồng; lãi chậm trả là 192.980.254 đồng. Nợ V1 tổng là 64.352.573 đồng (Sáu mươi tư triệu ba trăm năm mươi hai nghìn năm trăm bảy mươi ba đồng); nợ gốc là 46.614.102 đồng; nợ lãi là 15.997.992 đồng; lãi chậm trả là 1.740.479 đồng.

2. Kể từ ngày 16-5-2025 đến ngày 14-7-2025 ông Đinh Đức P và bà Phạm Thị H1 vẫn phải tiếp tục trả cho Công ty M và Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ lãi, phạt, phí phát sinh theo lãi suất trên số dư nợ gốc chưa thanh theo hợp đồng cho vay hạn mức số LN2105133734163, ngày 18-5-2021 và theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 13-5-2021 và theo Hợp đồng mua bán nợ, phụ lục hợp đồng ngày 30-5-2024 và ngày 30-11-2024 giữa Công ty V cho đến khi ông P và bà H1 thanh toán xong khoản nợ cho Công ty M và Ngân hàng thương mại cổ phần V.

3. Kể từ ngày 16-7-2025, ông Đinh Đức P và bà Phạm Thị H1 phải tiếp tục trả cho Công ty M và Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền nợ lãi, phạt, phí phát sinh theo lãi suất trên số dư nợ gốc chưa thanh theo hợp đồng cho vay hạn mức số LN2105133734163, ngày 18-5-2021 và theo giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử

ngày 13/5/2021 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ cho Công ty M và Ngân hàng thương mại cổ phần V.

4. Trường hợp ông Đinh Đức P và bà Phạm Thị H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận về thanh toán số tiền nợ nêu trên thì Công ty M và Ngân hàng thương mại cổ phần V có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự tiến hành kê biên, phát mại, bán/chuyển nhượng tài sản bảo đảm của khoản vay nêu trên là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 05-BT15, tại địa chỉ Khu đô thị M xã Đ, huyện V, tỉnh Quảng Ninh thuộc dự án Khu Đô Thị P theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số DB 385016, sổ vào sổ cấp GCN: CH10014 do UBND huyện V, tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 09/06/2021 theo Hợp đồng thế chấp số LN2105133734163, ngày 14-6-2021, được công chứng tại quyền số 02/2021-TP/CC-SCC/HĐGD ngày 14/06/2021 tại Văn phòng C - Thôn A Xã H, huyện V, tỉnh Quảng Ninh để thu hồi nợ theo qui định của pháp luật.

Trường hợp số tiền phát mại/thu hồi từ tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Công ty M và Ngân hàng thương mại cổ phần V thì ông P và bà H1 phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty M và Ngân hàng thương mại cổ phần V cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về chi phí thẩm định: Công ty M và Ngân hàng thương mại cổ phần V tự nguyện chịu cả chi phí thẩm định với số tiền là 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng), công ty M và Ngân hàng thương mại cổ phần V (đã nộp đủ).

6. Về án phí: Ông Đinh Đức P và bà Phạm Thị H1 tự nguyện chịu cả số tiền 57.356.906 đồng (Năm mươi bảy triệu, ba trăm năm mươi sáu nghìn, chín trăm linh sáu đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch. Trả lại công ty cổ phần M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 56.727.000 đồng (Năm mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000571, ngày 02-01-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình. Trả lại Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 13.658.000 đồng (Mười ba triệu sáu trăm năm mươi tám nghìn đồng) tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000572, ngày 02-01-2025 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án ND tỉnh Thái Bình;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện Hưng Hà;
- Chi cục THADS huyện Hưng Hà;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Nguyễn Bích Thủy